

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2-VĨNH LONG  
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 238/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06-08-2026

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hà Hồng Mến

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Cẩm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
Không.

Trong ngày 06 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2026/TLST-HNGĐ, ngày 04/05/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1991 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Thanh S (D)**, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp C, xã B, tỉnh Vĩnh Long

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/04/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*

Qua mai mối nên chị và anh Huỳnh Thanh S có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2023 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long).

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn từ cuối năm 2024, do vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau về những việc trong cuộc sống gia đình, vợ chồng không còn tiếng nói chung và sống không

hạnh phúc. Do đó vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2024 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thanh S.

*Về con chung:* Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Gia T, sinh ngày 04/12/2024 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Thanh S trình bày:* Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Về con chung: Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Huỳnh Ngọc Gia T, sinh ngày 04/12/2024 và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13/07/2026, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:* Chị yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Thanh S. Về con chung: Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Ngọc Gia T, sinh ngày 04/12/2024 và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về pháp luật tố tụng:*

Nguyên đơn anh chị Nguyễn Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con, nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”; bị đơn anh Huỳnh Thanh S cư trú tại xã B, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về pháp luật nội dung:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị B và anh Huỳnh Thanh S qua mai mối rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện

Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long), ngày 29/10/2023, nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị B xin ly hôn với anh Huỳnh Thanh S, tại phiên tòa anh C cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn;...”*. Như vậy, trong khoảng thời gian chị B và anh C chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2024 cho đến nay. Trong khoảng thời gian không sống chung với nhau thì vợ chồng chưa giải quyết dứt điểm những mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng bị vi phạm nghiêm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Việc ly thân đó dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do các bên đồng ý thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh C là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị B và anh Huỳnh Thanh S đều khai có con chung là cháu Huỳnh Ngọc Gia T, sinh ngày 04/12/2024. Khi ly hôn chị B yêu cầu được nuôi con chung.

Xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con”* và *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Hiện chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa anh C cũng đồng ý giao con cho chị B nuôi dưỡng và yêu cầu chị B phải tạo điều kiện cho anh được thăm nom, chăm sóc con chung. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị B là giao cháu Huỳnh Ngọc Gia T,

sinh ngày 04/12/2024 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Huỳnh Thanh S được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Thị B và anh Huỳnh Thanh S khai chưa yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Nguyễn Thị B và anh Huỳnh Thanh S khai chưa yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.  
*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B với anh Huỳnh Thanh S.

[2]. *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị B với anh Huỳnh Thanh S là giao cháu Huỳnh Ngọc Gia T, sinh ngày 04/12/2024 cho chị Nguyễn Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Huỳnh Thanh S được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007663 ngày 22/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long;
- UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Bảo**